

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2021

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Nh- anh H”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Ngân- Chủ tịch hội phụ nữ xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Ông Phạm Ngọc Túy - Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp Nông nghiệp tỉnh Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20A/2021/QĐHPT-ST ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Công H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị Nh, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Nh trình bày: Chị và anh Phạm Công H tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã V và lao động tự do. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm

sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2020 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Nh khai vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công A1, sinh ngày 25/10/2009 hiện đang ở với anh H và Phạm Công D, sinh ngày 11/02/2014 hiện đang ở với chị, ly hôn xảy ra chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị Nh khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phạm Công H: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh H biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh H và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nh được ly hôn anh H; Về con chung giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung không đặt ra giải quyết; Chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Nh và anh Phạm Công H được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q vào năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Nh và anh H sinh sống với gia đình anh H tại Thôn A, xã V và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2020 mâu thuẫn càng tăng, hai bên đã sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh H quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh H biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, anh H không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nh. Qua xác minh lời khai ông Phạm Công V1, sinh năm 1945, địa chỉ: Thôn A, xã V là bố đẻ anh H và cán bộ tư pháp xã V đều xác nhận hiện anh H đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại thôn A, xã V, anh H đã biết việc chị Nh làm đơn xin ly hôn và đã nhận các giấy tờ của Tòa án tổng đạt. Quan điểm của ông V1, và cán bộ tư pháp xã V đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh H để giải quyết nguyện vọng của chị Nh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nh được ly hôn anh H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nh về nuôi dưỡng con chung qua xác minh cho thấy chị Nh và anh H có 02 con chung là Phạm Công A1, sinh ngày 25/10/2009 hiện đang ở với anh H và Phạm Công D, sinh ngày 11/02/2014 hiện đang ở với chị Nh, con chung được anh H và chị Nh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng chu đáo. Quan điểm của ông V1, và cán bộ tư pháp xã V đều có ý kiến đề nghị giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay thì sẽ đảm bảo đời sống con chung, cháu A1 cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nh, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83

Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn anh Phạm Công H.

2/Về con chung: Xử giao con chung Phạm Công A1, sinh ngày 25/10/2009 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng; xử giao con chung Phạm Công D, sinh ngày 11/02/2014 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nh và anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004730 ngày 03/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC